BUT VANG

Họ và tên : ……

Lớp: 4

BÀI TẬP THEO TUẦN

TUẦN 18

I. TRẮC NGHIỆM:

Khoanh tròn vào chữ cái trước kết quả đúng.

Câu 1: Trong các số 4512, 7640, 8935, 10 084 số chia hết cho cả 2 và 5 là:

A. 4521 B. 7640 C. 8935 D. 10084

Câu 2: Cho các số 196, 132 , 117 , 2672 , 6054, 92313 . Các số chia hết cho 3 là:

A. 196, 117, 2672 C. 196, 117, 6054

B. 132, 117, 2672 D. 132, 117, 6054

Câu 3: Trong các số 57231 , 14290 , 53460, 77285. Số chia hết cho cả 2 , 3 , 5 và 9 là:

A. 57231 B. 14290 C. 53460 D. 77285

Câu 4: Cho 84 …. . Số thích hợp điền vào chỗ chấm để cho hết cho 3 và 2 là:

A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 5: Loan có ít hơn 30 quả táo, nhiều hơn 10 quả táo. Biết rằng nếu Loan đem số táo đó chia đều cho 5 bạn hoặc chia đều cho 2 bạn thì cũng vừa hết. Vậy Lan có số táo là:

A. 5 B. 15 C. 20 D. 10

Câu 6: An có một số bi lớn hơn 25 viên nhưng nhỏ hơn 40 viên. Biết số bi của An chia đều cho 2 hay chia đều vào 5 hộp đều không thừa và không thiếu viên nào? Hỏi An có bao nhiêu viên bi?

A. 40 viên bi B. 35 viên bi C. 25 viên bi D. 30 viên bi

Câu 7: Cho bốn chữ số: 6; 2; 5; 7. Có … số có ba chữ số khác nhau trong bốn chữ số đã cho mà số viết được chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9.

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 8: Lớp 3A có ít hơn 50 học sinh và nhiều hơn 40 học sinh. Nếu học sinh trong lớp xếp thành 3 hàng hoặc thành 5 hàng thì không thừa, không thiếu bạn nào. Số học sinh của lớp 3A là:

A. 43 B. 45 C. 47 D. 49

BUTVANG.VN

II. PHẦN TỰ LUẬN:

II. Tự luận:

Bài 1. Cho các số: 4 710; 6 793; 3 786; 3 477; 505 530; 7 011. Hãy viết ra các số:

a. Chia hết cho 2: …….

b. Chia hết cho 3: …….

c. Chia hết cho 9: …….

d. Chia hết cho 2 và 5: …….

e. Chia hết cho 2, 3, 5 và 9: …….

Bài 2. Cho số: $\overline{372a}$. Thay a bằng các chữ số thích hợp để được các số:

a. Cùng chia hết cho 2 và 5:…….

b. Cùng chia hết cho 2 và 9:…….

c. Chia hết cho 5: ……

Bài 3. Tìm số bé nhất có ba chữ số chia hết cho 2 và 5 và số bé nhất có ba chữ số khác nhau chia hết cho 5. Tính tổng của hai số đó.

…….

…….

…….

…….

Bài 4. Tìm số bé nhất có hai chữ số chia 2 dư 1, chia 3 dư 2 và chia 4 dư 3.

…….

…….

…….

…….

…….

…….

Bài 5. Với ba chữ số 9; 5; 0, hãy viết những số có ba chữ số khác nhau và chia hết cho 5.

…….

…….

…….

…….

…….

BUTVANG.VN

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN I: Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	C	B	C	D	D	B

II. Tự luận:

Bài 1. Cho các số: 4 710; 6 793; 3 786; 3 477; 505 530; 7 011. Hãy viết ra các số:

a. Chia hết cho 2: 4 710; 3 786; 505 530.

b. Chia hết cho 3: 4 710; 3 786; 3 477; 505 530; 7 011.

c. Chia hết cho 9: 505 530; 7 011.

d. Chia hết cho 2 và 5: 505 530.

e. Chia hết cho 2, 3, 5 và 9: 505 530.

Bài 2. Cho số: $\overline{372a}$. Thay a bằng các chữ số thích hợp để được các số:

a. Cùng chia hết cho 2 và 5: 3720

b. Cùng chia hết cho 2 và 9: 3726

c. Chia hết cho 5: 3720; 3725.

Bài 3. Tìm số bé nhất có ba chữ số chia hết cho 2 và 5 và số bé nhất có ba chữ số khác nhau chia hết cho 5. Tính tổng của hai số đó.

Bài làm

Tổng hai số đó là: 100 + 105 = 205

Bài 4. Tìm số bé nhất có hai chữ số chia 2 dư 1, chia 3 dư 2 và chia 4 dư 3

Bài làm

Vì đó là số bé nhất có hai chữ số chia 2 dư 1, chia 3 dư 2 và chia 4 dư 3 nên số đó cộng thêm 1 sẽ vừa chia hết cho 2,3 và 4.

Số bé nhất vừa chia hết cho 2,3 và 4 là: 12

Vậy số cần tìm là: 12 – 1 = 11

Bài 5. Với ba chữ số 9; 5; 0, hãy viết những số có ba chữ số khác nhau và chia hết cho 5.

Những số có ba chữ số khác nhau và chia hết cho 5: 590, 905, 950

BUTVANG.VN